

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 323 /GP-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 2/ tháng 8 năm 2017

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THUÊ ĐẤT
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 08/01/2014 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc”; Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 15/01/2015 phê duyệt điều chỉnh trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc”; Quyết định số 3001/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 phê duyệt trữ lượng khoáng sản (khu vực mở rộng) đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc”;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 86/GP-UBND ngày 04/3/2016 của UBND tỉnh cấp cho Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Thương mại và Sản xuất Hoàng Minh để khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Căn cứ Công văn số 10265/UBND-CN ngày 12/9/2016 của UBND tỉnh về việc chủ trương cho Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Thương mại và Sản xuất Hoàng Minh lập hồ sơ nâng công suất khai thác và cấp phép khai thác đối với phần diện tích còn lại tại mỏ đá vôi xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc.

Căn cứ Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Cá, xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc của Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Thương mại và Sản xuất Hoàng Minh;

Xét đề nghị của Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Thương mại và Sản xuất Hoàng Minh tại Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất Đơn ngày 05/7/2017;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 921/TTr-STNMT ngày 14/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Cho phép Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Thương mại và Sản xuất Hoàng Minh được khai thác, chế biến khoáng sản và thuê đất tại mỏ đá vôi xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, cụ thể như sau:

1. Về khoáng sản:

- Diện tích mỏ: 112.366 m² (diện tích thuộc xã Yên Lâm, huyện Yên Định là 67.148 m²; diện tích thuộc xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc là 45.218 m²); trong đó, diện tích khu vực khai thác là 108.908 m² được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5, 23, 22, 6, 13, 7, 8, B, 9 và 10; diện tích khu vực khai trường là 3.458 m² được xác định bởi các điểm góc 1, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 và 2 có tọa độ xác định trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo;

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường và tận thu đá khối sản xuất đá ốp lát;

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: 3.499.681 m³; trong đó, đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 3.254.703 m³; đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát là 244.978 m³;

+ Trữ lượng khai thác: 2.417.111 m³; trong đó, đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 2.247.913 m³; đá khối sản xuất đá ốp lát là 169.198 m³;

- Thân khoáng: Dạng khối;

- Công suất khai thác: 82.000 m³/năm;

- Mức sâu khai thác: Đến cos +37 m;

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên;

- Thời hạn khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mở là 06 tháng.

2. Về đất đai:

- Thu hồi 17.282 m² đất do UBND xã Yên Lâm, huyện Yên Định quản lý và 13.118 m² đất do UBND xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc quản lý để phục vụ cho dự án khai thác khoáng sản tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

- Cho Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Thương mại và Sản xuất Hoàng Minh thuê 112.366 m² đất tại xã Yên Lâm, huyện Yên Định và xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc (bao gồm: 81.966 m² đất đơn vị đang quản lý, sử dụng và 30.400 m² đất thu hồi trên) để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản và làm khai trường;

- Loại đất: Đất khai thác khoáng sản, đơn vị đang quản lý, sử dụng; đất núi đá do UBND xã Yên Lâm, huyện Yên Định và UBND xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc quản lý, không phải bồi thường, GPMB (UBND huyện Yên Định và UBND huyện Ngọc Lặc đã có văn bản xác nhận);

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 97/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 12/02/2017;

- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

- Thời hạn thuê đất: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Thương mại và Sản xuất Hoàng Minh có trách nhiệm:

1. Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường;

3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác đã được phê duyệt. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

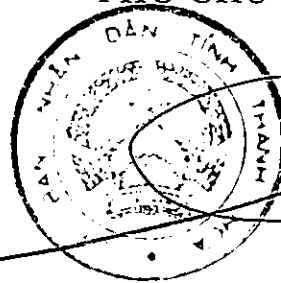
Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 86/GP-UBND ngày 04/3/2016 của UBND tỉnh.

Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này, Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Thương mại và Sản xuất Hoàng Minh chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- DNTN XDTM và Sản xuất Hoàng Minh ;
- Các Sở: XD, CT, TN&MT (07b);
- UBND các huyện: Yên Định, Ngọc Lặc;
- UBND xã Yên Lâm;
- UBND xã Cao Thịnh;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Phụ lục số: 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY
DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI XÃ YÊN LÂM, HUYỆN YÊN ĐỊNH
VÀ XÃ CAO THỊNH, HUYỆN NGỌC LẠC**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 323/GP-UBND
ngày 2/ tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Khu vực khai thác 108.908 m ²	1	2220264.31	552249.27
	2	2220261.76	552270.92
	3	2220173.29	552217.96
	4	2220155.56	552240.49
	5	2220114.00	552293.00
	23	2219804.18	552240.92
	22	2219757.68	552149.94
	6	2219837.00	552083.00
	13	2219989.00	551955.00
	7	2220054.83	551900.79
	8	2220153.32	551958.62
	B	2220159.98	551998.07
	9	2220185.81	552153.99
	10	2220174.91	552196.24
Khu vực khai trường 3.458 m ²	1	2220264.31	552249.27
	14	2220268.54	552213.25
	15	2220309.47	552235.19
	16	2220296.52	552269.93
	17	2220308.28	552277.91
	18	2220294.91	552322.07
	19	2220283.20	552317.77
	20	2220287.42	552310.79
	21	2220259.19	552292.96
	2	2220261.76	552270.92